

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/HS-ST
Ngày 23/01/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Hoàng Long - Giáo viên nghỉ hưu phường Thuận Thành.
- Ông Trần Giai Thương - Cán bộ nghỉ hưu phường Trí Quả.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Định - Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2025/TLST-HS, ngày 31/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Xuân Q**, sinh ngày 28/06/2008; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và con bà Nguyễn Thị H1; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- **Lưu Văn Đ**, sinh ngày 25/06/2009; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lưu Văn B và con bà Vương Thị H2; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Q:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ:* Bà Vương Thị H2, sinh năm 1982 nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

* *Bị hại:*

- Anh Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/8/2008; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh T: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22/02/2010; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh T1: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đào Tiến T2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ dân phố Á, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

- Anh Tạ Quang N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn H3, sinh ngày 09/11/2008; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh H3: Bà Vũ Thị S, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Q:* Bà Nguyễn Thị Lan A - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T6 tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Đ:* Bà Nguyễn Thị T3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T6 tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

* *Người làm công tác xã hội nơi bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thành niên đang cư trú, sinh hoạt:* Ông Nguyễn Phú Đ1 - Bí thư Đoàn Thành niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường T, tỉnh Bắc Ninh làm đại diện (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân Q và Lưu Văn Đ đều là những thanh niên đã bỏ học, không có việc làm ổn định. Trong khoảng thời gian từ ngày 17/9/2025 đến 18/9/2025, Q và Đ đã thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn phường T, tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 17/9/2025, Q và Đ đi bộ đến nhà Văn hoá tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh chơi. Tại đây, Q và Đ gặp anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 2008; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh đang điều khiển xe máy điện nhãn hiệu OSAKAR, màu sơn: xám, đen BKS: 99MĐ6-098.34 của anh Nguyễn Minh T, sinh năm 2008 ở cùng tổ dân phố với H3 (anh H3 mượn xe của anh T). Q bảo anh H3 cho mượn xe để đi đón bạn, anh H3 đồng ý và giao xe cho Q. Q điều khiển xe chở Đ đi về hướng Quốc lộ C. Khi đi được một đoạn thì Q nảy sinh ý định mang chiếc xe máy điện BKS: 99MĐ6-098.34 đi cầm cố lấy tiền tiêu xài nên Q đã rủ Đ cùng đi cầm cố chiếc xe trên thì Đ đồng ý. Khi đi đến khu L thuộc địa phận phường T, tỉnh Bắc Ninh, Đ và Q gặp Nguyễn Văn S1, sinh năm 2008; nơi cư trú: Tổ dân phố Á, phường T, tỉnh Bắc Ninh, Q hỏi S1 có biết chỗ nào cầm cố xe không, thì S1 chỉ đường cho Q và Đ đi đến quán của anh Đào Tiến T2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ dân phố Á, phường T, tỉnh Bắc Ninh để cầm cố. Đến nơi, Đ đứng ngoài còn Q vào trong gặp anh T2. Q bảo anh T2 cho cầm cố chiếc xe máy điện BKS: 99MĐ6-098.34 nhưng anh T2 không nhận cầm cố nên Q bảo bán xe. Anh T2 hỏi xe này là xe của ai, bảo Q đưa giấy tờ đăng ký xe thì Q nói là xe của Q, giấy tờ xe Q đã làm mất. Do tin tưởng nên anh T2 đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng. Sau khi cầm tiền, Q và Đ đi bộ đến nhà nghỉ M1 thuộc phường M, tỉnh Bắc Ninh ngủ. Trên đường đi Q bảo Đ là bán xe được 2.000.000 đồng và đưa cho Đ 500.000 đồng. Sau đó, Đ và Q cùng nhau chi tiêu hết số tiền 2.000.000 đồng. Sáng ngày 18/09/2025, anh H3 đi qua cửa hàng của anh T2 nhìn thấy xe của anh T nên vào hỏi thì được biết Q đã bán xe chiếc này cho anh T2. Vì vậy, anh H3 đã chuộc lại chiếc xe để trả lại cho anh T.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 18/9/2025, sau khi chơi điện tử ở quán Internet ở phường T xong, Q và Đ đi nhờ xe về đến gần nhà Văn hoá tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh thì xuống xe đi bộ vào trong tổ dân phố Đ. Khoảng 10 phút sau, Q nhìn thấy anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22/02/2010; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh đang đi xe máy điện đến. Q gọi anh T1 dừng lại và bảo anh T1 chở lên tổ dân phố Q, phường T, tỉnh Bắc Ninh để lấy quần áo. Anh T1 đồng ý và chở Q ngồi giữa, Đ ngồi sau cùng. Khi vừa lên xe, Q bảo anh T1 cho mượn điện thoại để nhắn tin, anh T1 đưa điện thoại di động Iphone Xs của anh T1 cho Q và mở mặt khóa điện thoại trước mắt Q. Vì vậy, Q biết được mật khẩu mở điện thoại của anh T1 là 222201. Khi đến tổ dân phố Q, Q gọi cho bạn là anh Bùi Văn K, sinh năm 2008; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường T, tỉnh Bắc Ninh nhưng không liên lạc được. Một lúc sau, Đ bảo anh T1 chở đến nhà anh Nguyễn Minh T4, sinh năm 2008; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Bắc Ninh để

mượn áo và xe của anh T4. Sau khi đến nhà anh T4, anh T1 và Q ở ngoài cổng còn Đ vào bảo anh T4 lấy xe chở đi chơi. Anh T5 đồng ý và đưa chìa khoá xe mô tô BKS: 99F1-200.08 cho Đ. Sau đó, Đ chở anh T5 ra gặp Q. Lúc này Q bảo quay lại tổ dân phố Q, phường T để gặp anh K. Khi đi qua nhà Văn hoá tổ dân phố Q, Q và anh T1 dừng xe, Đ cũng dừng xe cách đó khoảng 01m. Quỳnh vẫn cầm điện thoại của anh T1 và nhắn tin, gọi điện cho anh K nhưng không liên lạc được. Q bảo anh T1 về quán cắt tóc của anh Lê Văn H4, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T chờ Q. Anh T1 đồng ý và điều khiển xe về đứng chờ ngoài cửa quán cắt tóc. Khoảng 05 phút sau, Q không liên lạc được anh K để vay tiền thì nảy sinh ý định mang điện thoại của anh T1 đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Q gọi Đ ra nói chuyện (cách vị trí anh T5 đứng khoảng 10m). Q rủ Đ mang điện thoại của anh T1 đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, Đ đồng ý. Đ nói để Đ chở Q đi. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô BKS: 99F1-200.08 chở anh T5 và Q đến quán điện thoại của anh Tạ Quang N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Đến nơi, Đ và anh T5 ở ngoài còn Q vào trong. Q nói chiếc điện thoại Iphone Xs là của Q đồng thời đưa điện thoại và mở mặt khẩu cho anh N kiểm tra. Sau đó Q bảo anh N cho cầm cố chiếc điện thoại này. Anh N không nhận cầm cố mà bảo cho Q vay 2.000.000 đồng để chiếc điện thoại làm tin, không thoả thuận lãi xuất. Q đồng ý và cầm số tiền trên ra ngoài bảo anh T5 chở đến nhà nghỉ Anh T thuộc phường M để ngủ. Đến nơi, Q và Đ vào thuê phòng còn anh T5 đi về nhà. Q bảo với Đ cầm cố điện thoại của anh T1 được 2.000.000 đồng và đưa cho Đ 1.000.000 đồng. Sau đó Q và Đ chi tiêu hết cho việc trả tiền phòng nghỉ, tiền ăn, tiền chơi bi-a và chơi game.

Ngày 19/9/2025, sau khi cho Q mượn điện thoại nhưng không thấy Q quay về trả điện thoại nên anh Nguyễn Văn T1 đã đến Công an phường T, tỉnh Bắc Ninh trình báo vụ việc, đề nghị xử lý Nguyễn Xuân Q và Lưu Văn Đ về hành vi chiếm đoạt tài sản. Cùng ngày, anh Tạ Quang N đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Iphone Xs cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 19/9/2025, anh Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xác minh điều tra hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy điện BKS: 99MĐ6-098.34 của T và đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy điện để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 22/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra yêu cầu định giá tài sản số: 4211/YC-VPCQCSĐT gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh để xác định giá trị của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, dung lượng 64GB, màu đen, đã qua sử dụng và 01 xe máy điện BKS: 99MĐ6-098.34, nhãn hiệu OSAKAR, số loại X-MEN PRO S, màu sơn: xám, đen,

sản xuất năm 2023, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 17/9/2025 và 18/9/2025.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 259/KL-HĐĐGTS ngày 24/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh kết luận:

“+ 01 (một) xe máy điện BKS 99MĐ6-098.34, nhãn hiệu OSAKAR, số loại X-MEN PRO S, màu sơn: xám, đen, sản xuất năm 2023, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 17/09/2025 có giá trị là 7.200.000 đồng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, dung lượng 64GB, màu đen, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 18/09/2025 có giá trị là 4.500.000 đồng.”.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Q và bị cáo Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại Cáo trạng số: 68/CT-VKS-KV9, ngày 31/12/2025 của Viện Trưởng VKSND Khu vực 9 - Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Q và bị cáo Lưu Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên nội dung như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Q và bị cáo Lưu Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm g, i khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 12; Điều 115; khoản 1 Điều 119; Điều 124; Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, đề nghị:

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Không

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ, buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*** Người bào chữa cho bị cáo Q tranh luận:**

Nhất trí với nội dung Cáo trạng của VKSND KV9 - Bắc Ninh truy tố.

Về nhân thân: Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự cũng chưa từng bị xử lý vi phạm hành chính. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, chưa đủ khả năng nhận thức và kiểm soát chính xác được suy nghĩ, hành vi của mình, chưa được học hành, trang bị đầy đủ kiến thức đặc biệt là kiến thức pháp luật nên nhận thức không hết thậm chí không biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là phạm tội, nên dễ bị kích động, lôi kéo vào các hoạt động mang cảm giác mạnh, phiêu lưu, mạo hiểm, manh động. Hơn nữa bố mẹ bị cáo vẫn còn phải lo làm ăn kinh tế, nên không có thời gian để quan tâm, chăm sóc con em mình, buông lỏng việc giáo dục, quản lý con cái. Ngoài ra, bị cáo cũng đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra. Do vậy nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Từ những phân tích trên, tôi kính đề nghị Hội Đồng Xét Xử xem xét về độ tuổi và mức độ phạm tội cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 119, 124 Luật Tố tụng Hình sự Người chưa thành niên cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất có thể cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm; sớm trở lại cộng đồng, tu dưỡng, rèn luyện, tiếp tục học tập để trở thành công dân có ích cho xã hội.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đ tranh luận:**

Về hành vi phạm tội: Bị cáo Lưu Văn Đ bị VKSND Khu vực 9 - Bắc Ninh truy tố với tội danh “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bản thân bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin nhất trí với các điều khoản áp dụng truy tố của VKSND KV9 - Bắc Ninh đối với bị cáo.

Về nhân thân và hoàn cảnh phạm tội:

Thứ nhất, về nhân thân: bị cáo Lưu Văn Đ có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; là người chưa thành niên còn đang ở độ tuổi chưa phát triển đầy đủ cả về trí lực và thể lực, trình độ học vấn thấp chỉ 8/12. Vì vậy khả năng tiếp cận và mức độ nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế.

Thứ hai, Bị cáo do còn ít tuổi, mải chơi, đã nghỉ học nhưng chưa đến tuổi lao động nên không có công ăn việc làm. Do vậy, khi không có tiền tiêu sai cá nhân

bị cáo đã bông bột nảy sinh ý định mượn bạn tài sản để đi bán, cầm cố. Sau khi bị phát giác bị cáo đã tác động đến gia đình để trả lại cho anh H3 số tiền bán xe máy điện mượn của H3 là 2 triệu đồng và trả lại cho anh N số tiền cầm cố điện thoại của T1 là 2 triệu đồng. Anh N và anh H3 đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xét xét giải quyết bồi thường trong vụ án này đối với bị cáo.

Thứ ba, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như thẩm vấn công khai tại phiên tòa xét xử ngày hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và rất ăn năn hối hận.

Từ những phân tích trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về độ tuổi và mức độ nhận thức của bị cáo, cho bị cáo Lưu Văn Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, áp dụng Điều 38, 58, 175 BLHS; Điều 119, 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên khi xem xét lượng hình để tuyên phạt với mức hình phạt nhẹ nhất có thể nhằm thể hiện sự khoan hồng, tính nhân đạo của chính sách pháp luật của Nhà nước và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Q và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q nhất trí với bài bào chữa của bà Nguyễn Thị Lan A, nhất trí với Bản luận tội của VKS, không có ý kiến gì. Bị cáo Đ và người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ nhất trí với bài bào chữa của bà Nguyễn Thị T3, nhất trí với Bản luận tội của VKS, không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát xác định nội dung tranh luận của người bào chữa cho các bị cáo phù hợp với nội dung Bản luận tội của Viện kiểm sát đã nêu nên Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị hại anh Nguyễn Minh T và người đại diện hợp pháp của anh T là ông Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T1 và người đại diện hợp pháp của anh T1 là bà Nguyễn Thị X đều vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H3 và người đại diện hợp pháp của anh H3, anh Đào Tiến T2 và anh Tạ Quang N đều vắng mặt. Người làm công tác xã hội nơi bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thành niên đang cư trú sinh hoạt: Ông Nguyễn Phú Đ1 - Bí Thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường T vắng mặt. Xét thấy, anh T, anh T1, anh H3, anh T2, anh N, ông L, bà X, bà S đã trình bày đầy đủ tại Cơ quan điều tra và đã có đơn xét xử vắng mặt; ông Đ1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc anh T, anh T1, anh H3, anh T2, anh N, ông L, bà X, bà S và ông Đ1 vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân Q và bị cáo Lưu Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 259/KL-HĐĐGTS ngày 24/9/2025 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày, ngày 17/9/2025 và ngày 18/9/2025 tại phường T, tỉnh Bắc Ninh, bị cáo Nguyễn Xuân Q và bị cáo Lưu Văn Đ đã thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 17/9/2025, bị cáo Nguyễn Xuân Q mượn anh Nguyễn Văn H3 chiếc xe máy điện BKS: 99MĐ6-098.34 nhãn hiệu OSAKAR, số loại X-MEN PRO S, màu sơn xám, đen trị giá 7.200.000 đồng để bị cáo Q và bị cáo Lưu Văn Đ đi đón bạn (Chiếc xe trên anh H3 mượn của anh Nguyễn Minh T). Trên đường đi bị cáo Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nên đã rủ bị cáo Đ cùng đi đến cửa hàng của anh Đào Tiến T2 để bán chiếc xe được số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó bị cáo Q và bị cáo Đ đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh H3.

Vụ thứ hai: Ngày 18/9/2025, bị cáo Q mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu đen trị giá 4.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn T1 để nhắn tin gọi điện cho bạn, sau đó bị cáo Q và bị cáo Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại nên đã cùng nhau mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng của anh Tạ Quang N vay số tiền 2.000.000 đồng và để lại chiếc điện thoại để làm tin. Sau đó bị cáo Q và bị cáo Đ đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên dẫn đến không có khả năng trả lại điện thoại cho anh T1

Tổng giá trị chiếc xe máy điện BKS: 99MĐ6-098.34 và chiếc điện thoại Iphone Xs mà bị cáo Q và bị cáo Đ đã chiếm đoạt là 11.700.000 đồng. Căn cứ vào hành vi và số tiền chiếm đoạt trên của các bị cáo đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Q và bị cáo Đ đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự đúng như tội danh và điều luật mà Viện Trưởng VKSND Khu vực 9 - Bắc Ninh đã truy tố bị cáo.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân và bị xã hội lên án. Chính vì vậy, đối với các bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng các bị cáo.

Xét về vai trò, tính chất, mức độ vi phạm của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn bởi vì: Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên các bị cáo đã cùng nhau phạm tội. Xét thấy, bị cáo Q đều là người trực tiếp mượn tài sản của các bị hại và sau đó bị cáo Q rủ bị cáo Đ đi cầm cố tài sản mà Q đã mượn để lấy tiền cùng nhau tiêu cá nhân. Tuy nhiên, giữa hai bị cáo nhưng không có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định bị cáo Q có vai trò chính trong vụ án và sau đó đến vai trò của bị cáo Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào hành vi, tài sản chiếm đoạt và vai trò của các bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt tương xứng đối từng hành vi của bị cáo.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên bị cáo được xác định là người có nhân thân tốt.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo đã 02 hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và cả 02 hành vi đều đủ yếu tố cấu thành một tội nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại thời điểm các bị cáo chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Nguyễn Văn T1 thì anh T1 15 tuổi 6 tháng 27 ngày nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét về tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức hành vi mà các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì các bị cáo nghiện G và muốn có tiền chơi Bi-a và trò chơi điện tử nên bị cáo đã lao vào con đường phạm tội; xét thấy, cần phải áp dụng chế tài Luật hình sự để xử phạt các bị cáo thì mới có tác dụng cải tạo

các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, gia đình của các bị cáo bồi thường cho anh H3 số tiền 2.000.000 đồng và bồi thường cho anh N 2.000.000 đồng, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mỗi bị cáo đã tự nguyện ủng hộ Quỹ người nghèo phường T, tỉnh Bắc Ninh số tiền 500.000 đồng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, khi lượng hình cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, các bị cáo đều là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã trả lại bị hại, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và từ sau phạm tội đến nay các bị cáo đều ngoan ngoãn không vi phạm pháp luật nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và cho các bị cáo được hưởng án treo cũng có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội ở tuổi chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Ông Nguyễn Phú Đ1 người làm công tác xã hội trình bày ý kiến: Đối với các bị cáo đều là người chưa đủ 18 tuổi, nhân cách và nhận thức pháp luật chưa đầy đủ và cuộc sống còn nhiều thiếu sót nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức thấp nhất đối với bị cáo. Đối với bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thành niên nhận thức chưa đầy đủ các quy định của pháp luật, nhân cách và tâm lý còn non ớt, dễ bị tổn thương bởi vụ việc trên. Trong vụ án trên bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi liên quan đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với anh Đào Tiến T2 là người mua chiếc xe máy điện BKS 99MD6-098.34 của bị cáo Q. Xét thấy, khi mua chiếc xe trên anh T2 đã hỏi bị cáo Q về nguồn gốc chiếc xe trên nhưng Q đã nói là xe của tài sản của bị cáo Q và đã bị mất giấy tờ, do tin tưởng nên anh T2 đã mua. Anh T2 không biết chiếc xe máy điện trên do bị cáo Q và bị cáo Đ phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xử lý gì đối với anh T2 là phù hợp.

Đối với anh Tạ Quang N là người đã cho bị cáo Q vay tiền và bị cáo để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs để làm tin. Xét thấy, anh N không biết chiếc điện thoại di động này do bị cáo Q và bị cáo Đ phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xử lý đối với anh N là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn S1 là người chỉ dẫn bị cáo Q và bị cáo Đ đến cửa hàng A1 để bán chiếc xe máy điện BKS 99MD6-098.34. Xét thấy, anh S1 không biết nguồn gốc chiếc xe máy trên do bị cáo Q và bị cáo Đ phạm tội mà có và cũng không được hưởng lợi gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xử lý đối với anh S1 là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Minh T4 là người đồng ý đưa xe mô tô BKS 99F1-200.08 của anh T4 cho bị cáo Đ điều khiển, đi cùng bị cáo Đ và bị cáo Q đến quán điện thoại của anh N để cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs của Nguyễn Văn T1. Xét thấy, anh T4 chỉ đi chơi cùng bị Đ, không biết sự việc, không biết việc bị cáo Đ và bị cáo Q đã bàn bạc với nhau để chiếm đoạt chiếc điện thoại nêu trên và không được hưởng lợi gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xem xét xử lý đối với anh T4 là phù hợp.

Đối với 03 đĩa DVD do Cơ quan Cảnh sát Điều tra ghi hình khi lấy lời khai của các bị cáo và của anh T1 gửi kèm theo hồ sơ vụ án. Xét thấy, đây là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên được lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với bị hại là anh Nguyễn Minh T và người đại hợp pháp của anh T là ông Nguyễn Văn L; anh Nguyễn Văn T1 và người đại hợp pháp của anh T1 là bà Nguyễn Thị X đã nhận lại đầy đủ tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đào Tiến T2 đã nhận lại đủ số tiền 2.000.000 đồng từ anh Nguyễn Văn H3. Gia đình bị cáo Q và bị cáo Đ đã trả cho anh H3 đủ số tiền 2.000.000 đồng và đã trả cho anh Tạ Quang N đủ số tiền 2.000.000 đồng là số tiền cho Q vay. Xét thấy, do anh N và anh H3 và người đại diện hợp pháp của anh H3 là bà Vũ Thị S đều không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu OSAKAR, số loại X-MEN PRO S, màu sơn xám, đen, BKS: 99MD6-098.34 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu đen, số sê-ri C39YWBATKFPF, đã qua sử dụng do Cơ quan Cảnh sát Điều tra thu giữ. Xét thấy, Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy điện nêu trên là tài sản của anh Nguyễn Minh T; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs là điện thoại của anh Nguyễn Văn T1. Do vậy, ngày 06/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe máy điện cho anh T và chiếc điện thoại trên cho anh T1 là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Q và bị cáo Lưu Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Các Điều 12, 115, 124, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Q và bị cáo Lưu Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thành niên vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh.
- Cơ quan THAHS tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND Khu vực 9 - Bắc Ninh.
- THADS Khu vực 9 - Bắc Ninh.
- Bị cáo. UBND phường nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hoàng Long Trần Giai Thương

Phạm Xuân Hà

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG TÀI
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ 20 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2024;

Tại: Hội trường UBND thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân H5.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H6 và ông Nguyễn Đắc H7.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST - HS ngày 28 tháng 5 năm 2024, đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn H8, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H8 phạm tội “Cướp giật tài sản”. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H8 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2024. Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại ông Nguyễn Văn Đ2 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh bạc, BKS: 99H1-154.50; bà M chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng xám; bị cáo số tiền 1.000.000 đồng, nhưng giữ số tiền trả bị cáo để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác, 01 quần bò dài, 01 áo phông cộc tay, 01 mũ lưỡi chai màu trắng, 01 khẩu trang, 01 đôi dép tông và 01 sim điện thoại số 0974.041.878 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày .../6/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện L với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H8 phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hùng Nguyễn Đắc Hùng

Phạm Xuân Hà